

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-PT

Ngày 26-01-2022

V/v Tranh chấp liên quan đến yêu
cầu tuyên bố văn bản công chứng vô
hiệu; tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Nguyễn Văn Thu

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2021/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã K bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Đ: Bà Nguyễn Thị P (như trên) (theo giấy ủy quyền lập ngày 25/10/2021). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị P: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: Số 166, ấp 5, xã T, huyện M, tỉnh Long An. (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị Bích Ph, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Số 10, đường N, khu phố 1, Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An. (theo Giấy ủy quyền lập ngày 16/11/2021). (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Bích Ph, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Số 10, đường N, khu phố 1, Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph: Ông Trần D, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: ấp R, thị trấn V, huyện V, Long An. (theo Giấy ủy quyền lập ngày 15/12/2020). (Có mặt).

3. Văn phòng Công chứng B. Địa chỉ trụ sở: Số 141, đường L, khu phố 1, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An. (Xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1999. Địa chỉ cư trú: Khu phố 1, Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Ông Trần D, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: ấp R, thị trấn V, huyện V, Long An. (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 15/12/2020). (Có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1995. (Xin vắng mặt).

3. Anh Lê Thanh H1, sinh năm 1997. (Xin vắng mặt).

4. Cháu Lê Nguyễn Hà M, sinh năm 2017.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 10, đường N, khu phố 1, Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của cháu My: Chị Nguyễn Thị Kim N1 và anh Lê Thanh H1. (Xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:*

1. Bà Nguyễn Thị Bích Ph và ông Lê Thanh H, bị đơn.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thị xã K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và phần trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị P yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông H, bà Ph với bà N đối với thửa đất số 2937, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại Phường 3, thị xã K được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 01/7/2019.

Căn cứ khởi kiện:

Vào tháng 5/2019 Tòa án nhân dân thị xã K xét xử bằng bản án sơ thẩm buộc bà Ph và ông H có trách nhiệm liên đới trả ông bà số tiền 387.100.000 đồng. Bà Ph kháng cáo đề nghị chia đôi số nợ giữa bà Ph với ông H, trong thời gian chờ Tòa án tỉnh Long An xét xử phúc thẩm thì bà Ph và ông H ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở là thửa số 2937, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại Phường 3, thị xã K (sau đây viết tắt là thửa số 2937) cho con gái Nguyễn Thị Thanh N. Bản án phúc thẩm số 201/2019/DSPT ngày 12/8/2019 giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc ông H, bà Ph liên đới trả ông bà 387.100.000 đồng. Đến nay bà Ph, ông H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông bà đã yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành khoản nợ trên nhưng và Phượng và ông H không có điều kiện thi hành án. Như vậy bà Ph và ông H tặng cho tài sản trên là nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông bà. Tài sản là thửa số 2937 hiện vẫn còn đứng tên ông H và bà Ph chứ chưa sang tên cho bà N, theo ông bà biết thì ngoài tài sản này bà Ph và ông H không còn tài sản nào khác.

Bị đơn bà Ph cho rằng tại thời điểm tháng 7/2019 bà Ph có số tiền 387.100.000 đồng và đồng ý nộp để thi hành nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông bà và để thay thế biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án tỉnh Long An là không có cơ sở vì khi đó không có thông báo cho ông bà biết, bà Ph chỉ nói miệng, nếu bà Ph nộp tiền yêu cầu thay thế biện pháp khẩn cấp tạm thời, đảm bảo nghĩa vụ trả nợ và thông báo cho ông bà biết thì ông bà đã đồng ý vì mục đích là lấy được số nợ. Quyết định số 80/QĐ-CCTHA mà bà Ph trình bày có số tiền được thi hành hơn 500.000.000 đồng, theo ông bà biết bà Ph được thi hành một phần nhưng không dùng tiền trả nợ cho ông bà, phần còn lại thì người phải thi hành án không có khả năng trả nợ cho bà Ph.

Về yêu cầu bồi thường số tiền 200.000.000 đồng của bà N: Ông Đ, bà P không đồng ý vì khi yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, tài sản này vẫn còn đứng tên ông H và bà Ph, thiệt hại thực tế cũng chưa xảy ra.

Bị đơn Văn phòng Công chứng B vắng mặt, có văn bản trình bày ý kiến: Khi thực hiện công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H, bà Ph với bà N đối với thửa đất số 2937, Văn phòng Công chứng B đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Thời điểm công chứng, văn phòng không nhận được quyết định kê biên thi hành án quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ph và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh N ủy quyền cho ông Trần D trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Bà Ph và ông H ký hợp đồng ngày 01/7/2019 tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 2937 cho con gái là Nguyễn Thị Thanh N là không nhằm tẩu tán tài sản vì tại thời điểm ngày 01/7/2019 thì bà Ph vẫn còn tài sản theo Quyết định thi hành án số 80/QĐ-CCTHADS ngày 15/10/2018 của Chi cục THADS thị xã K, số tiền được thi hành là 574.081.000 đồng, khi thi hành được số tiền này thì bà Ph sẽ trả nợ cho nguyên đơn. Đồng thời ngày 24/7/2019

bà Ph cũng có số tiền 387.100.000 đồng gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV X - chi nhánh Long An, thời hạn gửi 01 tháng, nguồn tiền bà Ph vay mượn của anh em bạn bè, khi đó bà Ph yêu cầu được nộp tiền để nhằm thay thế cho Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2019/QĐ-BPKCTT của Tòa án tỉnh Long An mà ông Đ yêu cầu áp dụng nhưng ông Đ không rút lại yêu cầu (thể hiện theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 93/QĐ-GQKN ngày 31/7/2019 của Chánh án tòa án tỉnh Long An) nên bà Ph đã rút số tiền trên để trả lại người cho mượn.

Bản án hành chính phúc thẩm số 679/2020/HCPT của TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/10/2020 đã xét xử xác định thửa đất số 2937 của bà N trước thời điểm mà ông Đ, bà P nộp đơn khởi kiện vô hiệu hợp đồng được Tòa án K thụ lý ngày 20/11/2020.

Ngày 26/4/2021 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K đã thi hành Bản án hành chính số 679/2020/HCPT hủy phần nội dung điều chỉnh ngày 17/7/2019 của Chi nhánh Vpđk đất đai, nên tài sản đã được điều chỉnh cho bà N. Hợp đồng tặng cho ngày 01/7/2019 là hợp pháp vì theo điều 122 Luật Nhà ở thì hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm công chứng. Thời điểm ký hợp đồng ngày 01/7/2019 thì chưa có bản án có hiệu lực pháp luật buộc bà Ph, ông H trả nợ cho nguyên đơn (bản án phúc thẩm có vào tháng 8/2019).

Hiện tại trên thửa đất số 2937 có bà Ph, bà N, con trai là Lê Thanh H1, con dâu là Nguyễn Thị Kim N1 và cháu Lê Nguyễn Hà M (con của ông Hà, bà Nhựt) đang sinh sống trên nhà đất.

Ngoài ra bà N yêu cầu ông Đ, bà P bồi thường thiệt hại 200.000.000 đồng: Do nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 26/3/2021 nên gây ra thiệt hại cho bà N là bị hạn chế quyền của người sử dụng đất. Thiệt hại này có thể lớn hơn số tiền 200.000.000 đồng nhưng bà N chỉ yêu cầu bồi thường tương ứng với số tiền mà nguyên đơn đã nộp bảo đảm cho biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Bị đơn ông Lê Thanh H có văn bản xin vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thanh H1, Nguyễn Thị Kim N1 (ông Hà và bà Nhựt cũng là đại diện hợp pháp của Lê Nguyễn Hà M) vắng mặt không có lý do. Các đương sự không có ý kiến trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2021/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã K đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn Đ về việc tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu với bà Nguyễn Thị Bích Ph, ông Lê Thanh H và Văn phòng Công chứng B.

Tuyên vô hiệu văn bản công chứng là: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất giữa ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị Bích Ph với bà Nguyễn Thị Thanh N đối với thửa đất số 2937, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại

Phường 3, thị xã K được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 01/7/2019 theo số công chứng 3238, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo quy định pháp luật.

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT Ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã K về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp”.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh N về việc yêu cầu ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị P bồi thường thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 29/10/2021, Tòa án nhân dân thị xã K nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Ph và bà Nguyễn Thị Thanh N cùng đề ngày 28/10/2021 kháng cáo bản án sơ thẩm, bà Ph yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của bà N.

Ngày 16/11/2021, Tòa án nhân dân thị xã K nhận đơn kháng cáo của ông Lê Thanh H (Do bà Nguyễn Thị Bích Ph đại diện) đề ngày 16/11/2021 kháng cáo bản án sơ thẩm, ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 09/11/2021, Tòa án nhân dân thị xã K nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K đề ngày 08/11/2021 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; ông H, bà Ph và bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên yêu cầu kháng nghị; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Trần D và bà Nguyễn Thị Bích Ph thống nhất trình bày:

Khi bà Ph và bà N ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì chưa có bản án có hiệu lực pháp luật; theo Luật nhà ở thì hợp đồng tặng cho nhà đã có hiệu lực tại thời điểm công chứng; bản án hành chính phúc thẩm cũng tuyên xử xác định bà N đứng tên quyền sử dụng nhà đất từ bà Ph là đúng pháp luật. Đồng thời trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đối với vụ án

tranh chấp hợp đồng vay được đề cập ở phần trên thì bà Ph đã tự nguyện nộp 387.100.000 đồng để thi hành án cho bà P nhưng bên bà P không đồng ý nhận, chứng cứ chứng minh là tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 93/QĐ-GQKN ngày 31/7/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Long An có thể hiện nội dung này nên không có cơ sở để cho rằng bà Ph có hành vi trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Với các chứng cứ, tình tiết nêu trên xét thấy không có căn cứ để vô hiệu hợp đồng tặng cho nhà đất nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Ph, ông H.

Về kháng cáo của bà N yêu cầu bồi thường thiệt hại: Tại cấp sơ thẩm bà N yêu cầu bồi thường 200 triệu đồng nhưng chứng cứ chứng minh có thiệt hại số tiền trên là chưa đảm bảo. Nay bà N cung cấp được chứng cứ chứng minh bị thiệt hại chính là phải trả khoản lãi 108 triệu đồng cho khoản vay 400 triệu đồng để trả khoản nợ vay nhằm giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất tại ngân hàng do bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của bà P. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị P thống nhất trình bày: Theo xác nhận của cơ quan thi hành án thì hiện tại bà Ph ông H không còn tài sản nào khác ngoài căn nhà tặng cho bà N đang tranh chấp nên việc bà Ph ông H ký hợp đồng tặng cho bà N tài sản này được xem là cố ý trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Cũng như không có việc bà Ph đồng ý nộp để thi hành án 387.100.000 đồng mà bà P không đồng ý nhận vì việc khởi kiện của bà P đòi tiền vay cũng như yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho với bên bà Ph cũng chỉ nhằm để thi hành án nên không có lý do gì bà P không nhận số tiền mà mình được thi hành án. Xét thấy lời trình bày và kháng cáo của bà Ph ông H và bà N là không có căn cứ, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Về kháng cáo của bà Ph, ông H: xét thấy căn nhà bà Ph ông H cho bà N không phải là tài sản mà ông H bà Ph thế chấp cho nguyên đơn khi vay tiền; bị đơn được thi hành án với số tiền hơn 500.000.000 đồng theo Quyết định thi hành án số 80/QĐ-CCTHADS ngày 15/10/2018; và tháng 7/2019 bà Ph có gửi tiết kiệm 387.100.000 đồng tại ngân hàng. Bản án phúc thẩm giải quyết tranh chấp hợp đồng vay giữa nguyên đơn với bị đơn có sau ngày bà Ph và ông H tặng cho tài sản cho con; bản án hành chính phúc thẩm số 679/2020/HCPT thì bà N đã đứng tên thừa đất hợp pháp; việc tặng cho tài sản là hợp pháp, có công chứng nên không có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ; Văn phòng công chứng cũng xác định trình tự thủ tục công chứng đúng quy định. Do đó ông Đ, bà P khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

là không có cơ sở nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về kháng cáo của bà N yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay yêu cầu 108 triệu đồng: xét thấy từ khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đến nay thì bà Ph bà N vẫn đang sử dụng, ở trong căn nhà này và không có thiệt hại gì xảy ra nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo yêu cầu bồi thường của bà N.

Tuy nhiên, do hợp đồng tặng cho tài sản là hợp pháp nên biện pháp khẩn cấp tạm thời không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo, kháng nghị:

[3] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Tại Bản án sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã K tuyên xử buộc bà Ph và ông H có nghĩa vụ liên đới trả nợ của cho ông Đ, bà P với số tiền là 387.100.000 đồng. Bà Ph kháng cáo bản án sơ thẩm này để yêu cầu chia đôi số nợ với ông H. Ngày 01/7/2019 bà Ph, ông H ký hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản thừa đất số 2937 cho con gái Nguyễn Thị Thanh N và đến ngày 12/8/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm trên bằng Bản án phúc thẩm số 201/2019/DS-PT.

[5] Như vậy, tại thời điểm ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất giữa ông H, bà Ph với bà N thì vụ án tranh chấp hợp đồng vay nêu trên là chưa có bản án có hiệu lực pháp luật nên việc tặng cho nêu trên không bị kê biên theo Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

[6] Tuy nhiên, tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho bà Ph, ông H đã thừa nhận trách nhiệm trả nợ của mình, bà Ph chỉ kháng cáo yêu cầu chia đôi số nợ với ông H; tại Văn bản số 55/2021/CV-CB.CNLA ngày 01/6/2021, Ngân hàng Xây dựng Việt Nam cung cấp thông tin thể hiện ngày 24/7/2019 bà Ph có gửi tiết kiệm số tiền 387.100.000 đồng và ngày 01/8/2019 đã rút tiền trước hạn; theo quyết định thi hành án số 80/QĐ-CCTHADS ngày 15/10/2018 thì bà Ph được

thi hành án số tiền 574.081.000 đồng và đang thi hành một phần; theo Công văn số 218/CV.CCTHA ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K thì hiện nay bà Ph, ông H không có tài sản và điều kiện để đảm bảo thi hành án trả nợ cho ông Đ, bà P; theo kết quả xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thì ngoài tài sản là thửa đất số 2937, hiện nay bà Ph và ông H không còn bất động sản nào khác tại nơi cư trú; cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh bà N đã trả nợ thay bà Ph tại ngân hàng BIDV. Tại cấp sơ thẩm bị đơn chưa thi hành án cho nguyên đơn được khoản tiền nào.

[7] Do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 10, 24 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định hợp đồng tặng cho từ bà Ph, ông H cho bà N bị vô hiệu do giả tạo là có căn cứ.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D và bà Ph cho rằng bà Ph đã tự nguyện nộp 387.100.000 đồng để thi hành án cho bà P nhưng bên bà P không đồng ý nhận, chứng cứ thể hiện tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 93/QĐ-GQKN nêu trên nhưng theo nội dung của Quyết định này thì đây chỉ là lời trình bày của bà Ph, không phải Tòa án xác nhận có nội dung này. Bà Ph có cung cấp Biên lai thu tiền thi hành án ngày 21/12/2021 thể hiện bà Ph, ông H đã thi hành án cho ông Đ, bà P 41.137.137đ nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án của Bản án phúc thẩm số 201/2019/DS-PT nêu trên.

[9] Với các lý do trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu và yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có cơ sở chấp nhận. Theo đó, kháng cáo của bà N yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 200.000.000 đồng (tại phiên tòa hôm nay thay đổi yêu cầu là 108 triệu đồng) cũng không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy bác kháng cáo và kháng nghị, cần cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà P, ông H và bà N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Ph, ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị Thanh N.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 44/2021/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã K.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 165, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 10, 117, 124, và Điều 584 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 2, Điều 52 Luật Công chứng; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị Bích Ph, ông Lê Thanh H và Văn phòng Công chứng B về việc tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Tuyên bố vô hiệu văn bản công chứng là: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất giữa ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị Bích Ph với bà Nguyễn Thị Thanh N đối với thửa đất số 2937, tờ bản đồ số 7, vị trí đất tại Phường 3, thị xã K được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 01/7/2019 theo số công chứng 3238, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo quy định pháp luật.

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT Ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã K về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp*”.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị Bích Ph phải chịu 7.500.000 đồng. Ông H, bà Ph có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị P số tiền trên (7.500.000 đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh N về việc yêu cầu ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị P bồi thường thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị Bích Ph phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà N đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009619 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K; bà N còn phải nộp số tiền án phí là 5.000.000 đồng.

- Ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông Đ, bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009488 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K.

6. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích Ph, bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Lê Thanh H mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người

đã nộp 300.000đ theo thứ tự biên lai thu số 0000528, số 0000527 cùng ngày 29/10/2021, số 0000552 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K; bà Ph, bà N và ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc

